

Số: 03/2024/QĐST-VDS

T P, ngày 21 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v Chấm dứt việc nuôi con nuôi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T P, TỈNH B T**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kiêm U

Thư ký phiên họp: Bà Mai Bích Hà V - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P, tỉnh B T tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-VDS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về yêu cầu “Chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp số: 02/2024/QĐPH-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu:** Bà Trần Thị K, sinh năm 1961

Địa chỉ: khu du lịch chùa C T, xã B T, huyện T P, tỉnh B T. (Có mặt)

**Người liên quan:** Ông Trần Dũng H, sinh năm 1998; Địa chỉ: khu du lịch chùa C T, xã B T, huyện T P, tỉnh B T. (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

**Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời trình bày của người yêu cầu bà Trần Thị K tại phiên họp trình bày:**

Bà sống độc thân, không có chồng con. Bà là chị ruột của ông Trần Hoài S. Cháu Trần Dũng H gọi bà là cô, mẹ cháu bỏ đi từ khi cháu mới 02 tuổi. Gia đình em bà có khó khăn về kinh tế. vì vậy, năm 2001, bà và ông Trần Hoài S có đặt vấn đề để cháu Trần Dũng H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1998 là con nuôi của bà để đảm bảo cho cháu cuộc sống đầy đủ, nên bà đã làm thủ tục nhận nuôi theo đúng quy định

pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P L, huyện T P, tỉnh B T và được cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số: 03/2001 do Ủy ban nhân dân xã P L, huyện T P, tỉnh B T.

Sau khi nhận con nuôi, bà vẫn giữ nguyên tên của cháu Trần Dũng H và chăm sóc, nuôi dưỡng, cho cháu học tập đầy đủ. Nhưng nay cháu H đã trưởng thành và có nguyện vọng được về sống với gia đình bên cháu, theo bà nghĩ cháu H đã trưởng thành, tự quyết định cho tương lai của cháu nên bà yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu Trần Dũng H.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 4 năm 2024 anh Trần Dũng H khai như sau:*

Anh tên là Trần Dũng H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1998 là con ruột của ông Trần Hoài S. Từ khi anh mới 02 tuổi mẹ anh đã bỏ đi không quan tâm đến anh.

Năm 2001, do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên cha anh (Trần Hoài S) đồng ý để cô ruột của anh là bà Trần Thị K (là chị ruột của ông Trần Hoài S) nhận anh làm con nuôi. Thủ tục nhận làm con nuôi đã được chính quyền địa phương xác nhận đúng quy định pháp luật.

Nay anh đã 26 tuổi theo quy định pháp luật ông đã đủ tuổi thành niên, đang làm việc tại Chi nhánh Công ty cổ phần may B T- N B, trụ sở tại: Thôn L T, xã P L, huyện T P, tỉnh B T.

Sau khi nhận nuôi anh về sinh sống tại nhà mẹ nuôi là bà Trần Thị K và vẫn giữ họ tên là Trần Dũng H. Trong thời gian làm con nuôi của bà Kiều, anh được bà K chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập tốt, vẫn giữ liên lạc với gia đình. Nhưng do nay anh đã trưởng thành muốn về sống với gia đình anh. Nay bà Trần Thị K yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi thì anh đồng ý. Vì theo anh được biết anh đủ điều kiện theo quy định pháp luật được quyền quyết định về cuộc sống của anh.

*Tại phiên họp:*

- Bà Trần Thị K xác định việc làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh Trần Dũng H là hoàn toàn tự nguyện.

Lý do của việc yêu cầu chấm dứt nuôi con nuôi của bà K: Anh H đã trưởng thành và có nguyện vọng được về sống với gia đình bên cháu nên bà tôn trọng quyết định của ông H, vì vậy bà tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh H.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P, tỉnh B T phát biểu ý kiến tại phiên họp:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự và Thư ký phiên họp: Từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự và Thư ký phiên họp đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 đến Điều 369 Bộ luật tố

tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán, Hội đồng ra quyết định giải quyết việc dân sự, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06/05/2024 ông Trần Dũng H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt ông H là đúng quy định.

Ý kiến giải quyết về nội dung việc dân sự: Qua trình bày của bà Trần Thị K tại phiên họp và tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 4 năm 2024 ông Trần Dũng H đã chấp nhận việc chấm dứt nuôi con nuôi theo yêu cầu của bà K. Căn cứ khoản 5 Điều 29; Điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm 1 khoản 2 Điều 39; Điều 227; Điều 367; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10; Điều 25; Điều 26 và Điều 27 của Luật nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Thị K. Lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự: Bà Trần Thị K được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T P nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của Bà Trần Thị K đối với ông Trần Dũng H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T được quy định tại Điều 10 Luật nuôi con nuôi; khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ngày 06/05/2024 ông Trần Dũng H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt ông H là đúng quy định pháp luật

[2]. Về xét đơn yêu cầu của bà Trần Thị K: Bà K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T P chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với ông Trần Dũng H, để chứng minh cho yêu cầu bà K đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số: 03/2001 do Ủy ban nhân dân xã P L, huyện T P, tỉnh

B T cấp; Bản sao Giấy khai sinh số 85, quyển số 09, ngày 20/06/2001 của Ủy ban nhân dân xã P L, huyện T P, tỉnh B T.

*Xét thấy:* Lời trình bày của bà K phù hợp với các nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh được thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được: Xác định anh Trần Dũng H sinh ngày 20 tháng 7 năm 1998 là con nuôi của bà Trần Thị K được công nhận nuôi con nuôi thực tế kể từ ngày 30/04/2001.

Anh Trần Duy H Trần Dũng H sinh ngày 20 tháng 7 năm 1998, căn cứ khoản 1 Điều 20 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định là người đã thành niên.

Theo lời khai của bà Trần Thị K và ông Trần Dũng H xác định được tình tiết từ ngày 30/04/2001 cho đến ngày nay thì bà K đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nuôi đối với con nuôi.

Bà Trần Thị K xác định mục đích của việc chấm dứt nuôi con nuôi với anh Trần Dũng H là H đã trưởng thành và có nguyện vọng được về sống với gia đình bên cháu nên bà tôn trọng quyết định của ông H. Theo biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 4 năm 2024 anh Trần Dũng H đã đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị K chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh.

Vì vậy bà Trần Thị K và anh Trần Dũng H tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Từ các nhận định trên xét thấy: Lời trình bày của bà Trần Thị K là có cơ sở. Bà Trần Thị K yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với ông Trần Dũng H là có căn cứ được quy định tại Điều 10; Điều 25; Điều 26 và Điều 27 của Luật nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về hậu quả pháp lý: Quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ nuôi bà Trần Thị K với con nuôi anh Trần Dũng H chấm dứt, kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị K là người cao tuổi (63 tuổi) áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà K được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5 Điều 29; Điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm l khoản 2 Điều 39; Điều 227; Điều 367; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10; Điều 25; Điều 26 và Điều 27 của Luật nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa mẹ nuôi là bà Trần Thị K với con nuôi là anh Trần Dũng H.

2. Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ nuôi bà Trần Thị K với con nuôi anh Trần Dũng H chấm dứt, kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự: Bà Trần Thị K được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án.

4. Các đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Ông Trần Dũng H vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện T P có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B T có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B T;
- VKSND huyện T P;
- Đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Kiên U**

